

XU HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN: KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Hoa*

Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là một sắc thuế trực thu đánh trên thu nhập của cá nhân và ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng trong các khoản thu ngân sách. Thuế TNCN hiện đang được áp dụng tại hơn 150 quốc gia/khu vực trên thế giới. Trong những năm gần đây, nhiều quốc gia đã có những cải cách về thuế TNCN để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng quốc gia đó. Bài viết tổng hợp những điều chỉnh về thuế TNCN ở một số quốc gia, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

• Từ khóa: thu nhập cá nhân, thuế suất, bậc thuế.

Personal income tax (PIT) is a direct tax levied on individuals' earnings and has increasingly become an important component of state budget revenue. Until now, PIT has been applied in more than 150 countries/regions worldwide. In recent years, many countries have undertaken PIT reforms to align with their respective socio-economic conditions. This article summarizes PIT adjustments in several countries and gives some lessons for Vietnam.

• Key words: personal income, tax rates, tax brackets.

Ngày nhận bài: 12/6/2025

Ngày gửi phản biện: 20/6/2025

Ngày chấp nhận đăng: 05/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i298.21>

1. Điều chỉnh thuế suất và bậc thuế

Hầu hết các quốc gia đều quy định số lượng bậc thuế suất và mức thuế suất lũy tiến của thuế TNCN, tuy nhiên có sự khác biệt ở từng quốc gia. Tại một số quốc gia Châu Á, Malaysia quy định có 10 bậc thuế (trước đây là 11 bậc), Thái Lan quy định có 07 bậc thuế, Singapore quy định có 10 bậc thuế. Trong khi đó, Hàn Quốc quy định có 8 bậc thuế, Trung Quốc và Nhật Bản có 07 bậc thuế. Philippines và Indonesia quy định số lượng bậc thuế thấp hơn khá nhiều so với các nước được đề cập ở trên, tương ứng Philippines: 5 bậc, Indonesia: 5 bậc.

Mức thuế suất thuế TNCN cao nhất ở một số quốc gia cũng đã được điều chỉnh theo hướng tăng lên. Chẳng hạn, trong năm 2024, Phần Lan tăng từ 57% lên 57,3%, Lithuania tăng từ 20% lên 32%, Mauritius tăng từ 15% lên 20%.

Bảng 1: Cơ cấu biểu thuế suất thuế TNCN một số nước năm 2025

Quốc gia	Thuế suất cao nhất (%)	Thuế suất thấp nhất (%)	Số bậc thuế suất, mức thuế suất (%)
Khu vực Châu Á			
Thái Lan	35	5	7 (5; 10; 15; 20; 25; 30; 35)
Indonesia	35 (trước đó là 30)	5	5 (5; 15; 25; 30; 35) ¹
Malaysia	30	0	10 (0; 1; 3; 6; 11; 19; 25; 26; 28; 30) ²
Philippines	35	20	5 (20; 25; 30; 32; 35)
Singapore	22	2	10 (2; 3,5; 7; 11,5; 15; 18; 19; 19,5; 20; 22)
Trung Quốc	45	3	7 (3; 10; 20; 25; 30; 35; 45)
Hàn Quốc	45	6	8 (6; 15; 24; 35; 38; 40; 42; 45)
Nhật Bản	45	5	7 (5; 10; 20; 23; 33; 40; 45)
Ấn Độ	42,744	0	8 (0; 5,2; 20,8; 31,2; 34,32; 35,88; 39; 42,744)
Khu vực Châu Âu và Hoa Kỳ			
Canada	33	15	5 (15; 20,5; 26; 29; 33)
Phần Lan	19	0	6 (0; 7; 10; 13; 16; 19)
Pháp	20	0	3 (0; 12; 20)
Na Uy	17,5	0	6 (0; 1,7; 4,0; 13,5; 16,5; 17,5)
Hy Lạp	44	9	5 (9; 22; 28; 36; 44)
Hoa Kỳ	37	10	7 (10; 12; 22; 24; 32; 35; 37)
Albania	23	13	2 (13; 23)
Algeria	35	0	6 (0; 23; 27; 30; 33; 35)
Azerbaijan	65	24	5 (24; 31; 45; 55; 65)
Khu vực Châu Úc			
Úc	45	0	5 (0; 19; 32,5; 37; 45)

Nguồn: EY (2024)

2. Ngưỡng thu nhập chịu thuế

Các quốc gia đều quy định về ngưỡng thu nhập chịu thuế TNCN tương ứng với từng bậc thuế. Tại Indonesia, ngưỡng thu nhập chịu thuế nằm trong khoảng từ 60 triệu Rp (tương ứng với mức thuế suất thấp nhất là 5%) đến trên 5 tỷ Rp (tương ứng với mức thuế suất cao nhất là 35%). Tại Trung Quốc, ngưỡng thu nhập chịu thuế nằm trong khoảng từ 36.000 Nhân dân tệ (tương ứng với mức thuế suất thấp nhất là 3%) đến trên 960.000 Nhân dân tệ (tương ứng với mức thuế suất cao nhất là 45%).

¹ Trước đây là 4 bậc thuế suất gồm 5%, 15%, 25%, 30%.

² Trước đây là 11 bậc gồm 1%; 3%; 8%; 13%; 21%; 24%; 24,5%; 25%; 26%; 28%; 30%.

* Trường Đại học Tài chính - Marketing; email: nguyenhhoa@ufm.edu.vn

Bảng 2: Ngưỡng thu nhập chịu thuế và biểu thuế suất thuế TNCN tại Indonesia

Ngưỡng thu nhập chịu thuế năm 2022 (Rp)	Ngưỡng thu nhập chịu thuế hiện hành (Rp)	Thuế suất (%)
≤ 60 triệu	≤ 60 triệu	5
60 triệu - 250 triệu	60 triệu - 190 triệu	15
250 triệu - 500 triệu	190 triệu - 250 triệu	25
500 triệu - 5 tỷ	250 triệu - 4,5 tỷ	30
Trên 5 tỷ	Trên 4,5 tỷ	35

Nguồn: EY (2024) & PwC (2022)

Bảng 3: Ngưỡng thu nhập chịu thuế và biểu thuế suất thuế TNCN tại Trung Quốc

Ngưỡng thu nhập chịu thuế trước đây (Nhân dân tệ)	Ngưỡng thu nhập chịu thuế hiện hành (Nhân dân tệ)	Thuế suất (%)
0 - 36.000	0 - 36.000	3
36.000 - 108.000	36.000 - 144.000	10
108.000 - 156.000	144.000 - 300.000	20
156.000 - 229.000	300.000 - 420.000	25
229.000 - 240.000	420.000 - 660.000	30
240.000 - 300.000	660.000 - 960.000	35
Trên 300.000	Trên 960.000	45

Nguồn: EY (2024)

Tại Canada, ngưỡng thu nhập chịu thuế nằm trong khoảng từ 57.375 USD (tương ứng với mức thuế suất thấp nhất là 15%) đến trên 253.414 USD (tương ứng với mức thuế suất cao nhất là 33%).

Bảng 4: Ngưỡng thu nhập chịu thuế và biểu thuế suất thuế TNCN tại Canada

Thu nhập chịu thuế năm 2024 (USD)	Thu nhập chịu thuế năm 2025 (USD)	Thuế suất (%)
0 - 55.867	0 - 57.375	15
55.867 - 111.733	57.375 - 114.750	20,5
111.733 - 173.205	114.750 - 177.882	26
173.205 - 246.752	177.882 - 253.414	29
Trên 246.752	Trên 253.414	33

Nguồn: <https://www.canada.ca> và PwC (2024)

Tại Hoa Kỳ, ngưỡng thu nhập chịu thuế nằm trong khoảng từ 11.600 USD (tương ứng với mức thuế suất thấp nhất là 10%) đến trên 731.200 USD (tương ứng với mức thuế suất cao nhất là 37%). Ngưỡng thu nhập chịu thuế sẽ được điều chỉnh theo lạm phát.

Bảng 5: Ngưỡng thu nhập chịu thuế và biểu thuế suất thuế TNCN tại Hoa Kỳ năm 2024

Thu nhập chịu thuế của cá nhân độc thân (USD)	Thu nhập chịu thuế của cá nhân đã kết hôn nộp thuế chung (USD)	Thu nhập chịu thuế của chủ hộ gia đình (USD)	Thuế suất (%)
0 - 11.600	0 - 23.200	0 - 16.550	10
11.600 - 47.150	23.200 - 94.300	16.550 - 63.100	12
47.150 - 100.525	94.300 - 201.050	63.100 - 100.500	22
100.525 - 191.950	201.050 - 383.900	100.500 - 191.950	24
191.950 - 243.725	383.900 - 487.450	191.950 - 243.700	32
243.725 - 609.350	487.450 - 731.200	243.700 - 609.350	35
Từ 609.350 trở lên	Từ 731.200 trở lên	Từ 609.350 trở lên	37

Nguồn: <https://taxfoundation.org/data/all/federal/2024-tax-brackets/>

Bảng 6: Ngưỡng thu nhập chịu thuế và biểu thuế suất thuế TNCN tại Hoa Kỳ năm 2025

Thu nhập chịu thuế của cá nhân độc thân (USD)	Thu nhập chịu thuế của cá nhân đã kết hôn nộp thuế chung (USD)	Thu nhập chịu thuế của chủ hộ gia đình (USD)	Thuế suất (%)
0 - 11.925	0 - 23.850	0 - 17.000	10
11.925 - 48.475	23.850 - 96.950	17.000 - 64.850	12
48.475 - 103.350	96.950 - 206.700	64.850 - 103.350	22
103.350 - 197.300	206.700 - 394.600	103.350 - 197.300	24
197.300 - 250.525	394.600 - 501.050	197.300 - 250.500	32

Thu nhập chịu thuế của cá nhân độc thân (USD)	Thu nhập chịu thuế của cá nhân đã kết hôn nộp thuế chung (USD)	Thu nhập chịu thuế của chủ hộ gia đình (USD)	Thuế suất (%)
250.525 - 626.350	501.050 - 751.600	250.500 - 626.350	35
Từ 626.350 trở lên	Từ 751.600 trở lên	Từ 626.350 trở lên	37

<https://taxfoundation.org/data/all/federal/2025-tax-brackets/>

Bảng 7: Ngưỡng thu nhập chịu thuế và biểu thuế suất thuế TNCN tại Hoa Kỳ năm 2013

Thu nhập chịu thuế của cá nhân độc thân (USD)	Thu nhập chịu thuế của cá nhân đã kết hôn nộp thuế chung (USD)	Thu nhập chịu thuế của chủ hộ gia đình (USD)	Thuế suất (%)
0 - 8.925	0 - 17.850	0 - 12.750	10
8.925 - 36.250	17.850 - 72.500	12.750 - 48.600	15
36.250 - 87.850	72.500 - 146.400	48.600 - 125.450	25
87.850 - 183.250	146.400 - 223.050	125.450 - 203.150	28
183.250 - 398.350	223.050 - 398.350	203.150 - 398.350	33
398.350 - 400.000	398.350 - 450.000	398.350 - 425.000	35
Từ 400.000 trở lên	Từ 450.000 trở lên	Từ 425.000 trở lên	39,6

Nguồn: <https://taxfoundation.org/data/all/federal/2013-tax-brackets/>

3. Điều chỉnh mức khấu trừ thuế TNCN

Tại Indonesia, ngày 27/12/2023, Chính phủ đã ban hành Quy định số 58/2023 (GR 58/2023) về tỷ lệ khấu trừ thuế TNCN cho cá nhân, có hiệu lực từ ngày 01/01/2024, nhằm mục đích đơn giản hóa việc tính tỷ lệ khấu trừ thuế hàng tháng đối với thu nhập mà cá nhân nhận được (theo phân loại người nộp thuế và tỷ lệ khấu trừ theo khung thu nhập của người nộp thuế).

Hộp 1: Quy định tỷ lệ khấu trừ thuế TNCN tại Indonesia

Cách tính thuế thu nhập hàng tháng: GR 58/2023 quy định rằng việc tính thuế khấu trừ hàng tháng cho các tháng từ tháng 01 đến tháng 11 phải được thực hiện bằng cách sử dụng 'mức thuế suất thực tế' (ETR). Tuy nhiên, việc tính toán hàng năm vào tháng 12 vẫn được thực hiện bằng cách sử dụng mức thuế suất lũy tiến theo Điều 17(a) của Luật Thuế thu nhập.

ETR được chia thành ba loại: A, B và C. Sự phân chia này dựa trên cơ sở thu nhập không phải chịu thuế, có tính đến tình trạng hôn nhân của người nộp thuế và số người phụ thuộc vào đầu năm thuế.

Phân loại người nộp thuế: có 03 loại:

- Loại A:
 - + Cá nhân độc thân không có người phụ thuộc (S/0)
 - + Cá nhân độc thân nhưng có 01 người phụ thuộc (S/1)
 - + Cá nhân đã kết hôn nhưng không có người phụ thuộc (M/0)
- Loại B:
 - + Cá nhân độc thân nhưng có 02 người phụ thuộc (S/2)
 - + Cá nhân độc thân có 03 người phụ thuộc (S/3)
 - + Cá nhân đã kết hôn có 01 người phụ thuộc (M/1); và
 - + Cá nhân đã kết hôn có 02 người phụ thuộc (M/2)
- Loại C:
 - + Cá nhân đã kết hôn có 03 người phụ thuộc (M/3)

Mức thuế suất hiệu quả:

ETR được tính dựa trên tổng thu nhập hàng tháng của cá nhân hoặc thu nhập hàng ngày của cá nhân (trường hợp cá nhân được trả thu nhập theo ngày/tuần). Cụ thể:

- Thuế suất bằng 0% đối với thu nhập hàng ngày lên đến 450.000 Rp (khoảng 28,79 USD) và thuế suất bằng 0,5% đối với thu nhập hàng ngày từ trên 450.000 lên đến 2,5 triệu Rp (khoảng 159 USD).
- Đối với loại A bắt đầu từ mức thuế suất 0% đối với thu nhập hàng tháng lên tới 5,4 triệu Rp và tăng lên 34% đối với thu nhập hàng tháng trên 1,4 tỷ Rp.
- Đối với loại B bắt đầu từ mức thuế suất 0% đối với tổng thu nhập hàng tháng lên đến 6,2 triệu Rp và lên tới 34% đối với tổng thu nhập hàng tháng trên 1,405 tỷ Rp.
- Đối với loại C từ 0% cho thu nhập hàng tháng dưới 6,6 triệu Rp đến 34% cho thu nhập trên 1,419 tỷ Rp.

Nguồn: <https://legalindonesia.id/changes-in-the-personal-income-tax-rate-pit-pph21-in-2024-effective-rate-and-calculation-example/>

Tại Trung Quốc, từ ngày 01/01/2019, mức khấu trừ thuế cho mỗi người nộp thuế là 60.000 Nhân dân tệ/năm (tức khấu trừ 5.000 Nhân dân tệ/tháng).

Vào ngày 19/3/2022, Thông tư số 8 (2022) quy định từ ngày 01/01/2022, người giám hộ của trẻ sơ sinh dưới 03 tuổi được khấu trừ thuế TNCN là 1.000 Nhân dân tệ/một trẻ/một tháng. Đây được coi là bước mới nhất trong quá trình điều chỉnh thuế TNCN để

phản ánh hoàn cảnh cá nhân của từng người nộp thuế cũng như mong muốn của Chính phủ trong việc tăng tỷ lệ sinh trên toàn quốc. Từ năm 2025, mức khấu trừ thuế TNCN cho người giám hộ của trẻ sơ sinh dưới 03 tuổi tăng lên 2.000 Nhân dân tệ/một trẻ/một tháng. Ngoài ra, các khoản khấu trừ thuế khác dành cho chi phí giáo dục trẻ em, chi phí nâng cao giáo dục cho người lớn, chi phí y tế cho bệnh nặng, chi phí thuê nhà cũng như các chi phí khác liên quan đến việc hỗ trợ người thân lớn tuổi.

Tại Hoa Kỳ, trước năm 2018 cơ quan thu (IRS) đã sử dụng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) làm thước đo lạm phát và xem xét điều chỉnh thuế TNCN. Tuy nhiên, với Đạo luật cắt giảm thuế và việc làm năm 2017, IRS sử dụng chỉ số giá tiêu dùng theo chuỗi (C-CPI) để điều chỉnh ngưỡng thu nhập, số tiền khấu trừ cho phù hợp.

Theo Luật Giảm trừ theo lạm phát, một số điều chỉnh tăng mức khấu trừ thuế TNCN được áp dụng vào năm 2024 như sau: mức khấu trừ cho các cặp vợ chồng nộp thuế chung tăng lên 29.200 USD (tăng 1.500 USD so với năm 2023); đối với người độc thân, mức khấu trừ tăng lên 14.600 USD (tăng 750 USD so với năm 2023); đối với chủ hộ gia đình, mức khấu trừ là 21.900 USD (tăng 1.100 USD so với năm 2023). Mức giảm trừ cho người phụ thuộc tối đa là 4.213 USD cho một con, 6.960 USD cho hai con và 7.830 USD cho ba con trở lên. Đối với quà tặng cho cá nhân có giá trị 18.000 USD đầu tiên sẽ được miễn thuế (tăng lên so với mức 17.000 USD năm 2023). Đối với cá nhân không phải là công dân Hoa Kỳ được miễn thuế nếu nhận quà tặng có giá trị tối đa 185.000 USD (trước đó là 175.000 USD).

4. Bài học cho Việt Nam

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, một số bài học rút ra cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, về bậc thuế: Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, có thể thấy rằng các quốc gia áp dụng số lượng bậc thuế khác nhau, dao động từ 2 đến 11 bậc. Một số nước có xu hướng điều chỉnh số lượng bậc thuế để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, Indonesia đã tăng số lượng bậc thuế từ 4 lên 5 bậc, trong khi Malaysia điều chỉnh giảm từ 11 xuống 10 bậc. Một số quốc gia có hệ thống thuế đơn giản hơn, chỉ áp dụng 2 bậc thuế như Albania.

Để cải thiện tính công bằng và hiệu quả của hệ thống thuế thu nhập cá nhân, Việt Nam có thể cân nhắc giữ nguyên hoặc điều chỉnh xuống còn 5-6 bậc. Phương án 5 bậc có thể giúp đơn giản hóa hệ thống thuế, giảm áp lực hành chính, trong khi phương án 6 bậc có thể duy trì mức độ lũy tiến hợp lý nhưng vẫn giảm bớt sự chênh lệch giữa các bậc.

Thứ hai, về thuế suất: Các quốc gia trên thế giới có quy định khác nhau về mức thuế suất thấp nhất và cao nhất trong hệ thống thuế thu nhập cá nhân. Một số nước áp dụng mức thuế thấp nhất là 0%, như Malaysia, Algeria, và Ấn Độ, nhằm miễn thuế cho các đối tượng có thu nhập thấp hoặc dưới mức chịu thuế. Ở chiều ngược lại, mức thuế cao nhất dao động khá rộng, với một số quốc gia áp dụng mức 45% (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc), trong khi các nước như Malaysia áp dụng mức cao nhất là 30%, còn Philippines và Indonesia là 35%.

Đối với Việt Nam, hiện tại hệ thống thuế thu nhập cá nhân đang áp dụng thuế suất thấp nhất là 5% và cao nhất là 35%. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay, Việt Nam có thể xem xét:

- Giữ nguyên hoặc điều chỉnh mức thuế suất thấp nhất từ 5% xuống 0% để hỗ trợ người có thu nhập thấp, đảm bảo tính công bằng và khuyến khích tiêu dùng. Mức miễn thuế này có thể áp dụng cho nhóm thu nhập dưới 13 triệu đồng/tháng, thay vì 11 triệu đồng/tháng như hiện nay.

- Xem xét điều chỉnh mức thuế suất cao nhất từ 35% lên 37% hoặc 40% đối với nhóm thu nhập rất cao (từ 1 tỷ đồng/năm trở lên) để tăng cường điều tiết thu nhập và đảm bảo đóng góp công bằng vào ngân sách nhà nước, tương tự như chính sách của một số nước trong khu vực như Thái Lan và Trung Quốc.

Thứ ba, về ngưỡng thu nhập chịu thuế: Hầu hết các quốc gia khi thực hiện điều chỉnh bậc thuế và mức thuế suất đều điều chỉnh ngưỡng thu nhập chịu thuế tương ứng để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội. Xu hướng chung cho thấy, nhiều nước như Trung Quốc, Canada, Hoa Kỳ đã nới rộng ngưỡng chịu thuế để đảm bảo thu nhập thực tế của người lao động không bị đánh thuế quá sớm, giúp giảm gánh nặng tài chính cho nhóm thu nhập trung bình - thấp. Trong khi đó, một số quốc gia như Indonesia thu hẹp khoảng cách chịu thuế do tăng số bậc thuế từ 4 lên 5 bậc, nhằm tăng tính lũy tiến trong hệ thống thuế.

Tại Việt Nam, hiện nay mức giảm trừ gia cảnh đang áp dụng là 11 triệu đồng/tháng, mức giảm trừ người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng, và ngưỡng thu nhập chịu thuế tính từ mức 5 triệu đồng/tháng trở lên với thuế suất bậc đầu tiên là 5%. Tuy nhiên, với tình hình lạm phát và sự gia tăng chi phí sinh hoạt trong những năm gần đây, mức này có thể chưa phản ánh chính xác sức mua thực tế của người lao động. Nhiều người có thu nhập trung bình hiện nay dù chưa đạt mức khá giả nhưng vẫn phải nộp thuế từ những bậc đầu tiên, dẫn đến áp lực tài chính và ảnh hưởng đến tiêu dùng.

Do đó, Việt Nam có thể cân nhắc điều chỉnh ngưỡng thu nhập chịu thuế theo hai phương án. Phương án 1 (cải cách vừa phải) đề xuất tăng mức giảm trừ gia cảnh từ 11 triệu lên 13 triệu đồng/tháng, mức giảm trừ người phụ thuộc từ 4,4 triệu lên 5,5 triệu đồng/tháng, đồng thời điều chỉnh ngưỡng chịu thuế từ 5 triệu lên 7 triệu đồng/tháng. Phương án 2 (cải cách mạnh) đề xuất mức giảm trừ gia cảnh cao hơn, lên 14 triệu đồng/tháng, mức giảm trừ người phụ thuộc lên 6 triệu đồng/tháng, và ngưỡng chịu thuế từ 9 triệu đồng/tháng trở lên. Phương án 2 sẽ giúp nhóm lao động thu nhập trung bình thấp có thêm thu nhập khả dụng, kích thích tiêu dùng và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Việc điều chỉnh này dựa trên xu hướng tăng lương và lạm phát trong những năm gần đây, đồng thời đảm bảo công bằng thuế khi không đánh thuế quá sớm lên nhóm thu nhập thấp. Tuy nhiên, cần có một lộ trình hợp lý để cân bằng giữa chính sách hỗ trợ người lao động và đảm bảo nguồn thu ngân sách. Một đề xuất khả thi là trong giai đoạn 2025-2026, mức giảm trừ gia cảnh tăng lên 13 triệu đồng/tháng và ngưỡng chịu thuế bắt đầu từ 7 triệu đồng/tháng. Đến giai đoạn 2027-2028, mức giảm trừ gia cảnh tiếp tục điều chỉnh lên 14 triệu đồng/tháng và ngưỡng chịu thuế từ 9 triệu đồng/tháng.

Thứ tư, về khấu trừ thuế: Chính sách khấu trừ thuế là một công cụ quan trọng nhằm đảm bảo công bằng thuế, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho người nộp thuế, đặc biệt là những cá nhân có thu nhập trung bình và thấp. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều quy định mức khấu trừ thuế cho cá nhân người nộp thuế cũng như các khoản giảm trừ gia cảnh ở một mức độ nhất định. Những mức giảm trừ này thường được điều chỉnh theo thời gian để phản ánh chính xác hơn tác động của lạm phát đến thu nhập thực tế của người dân.

Tuy nhiên, cách thức điều chỉnh của các quốc gia có sự khác biệt. Một số nước chỉ đơn thuần dựa trên chỉ số giá tiêu dùng (CPI) để điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh theo từng giai đoạn, trong khi một số quốc gia tiên tiến như Hoa Kỳ sử dụng CPI theo chuỗi (Chained CPI). Chained CPI được đánh giá là phản ánh sát hơn mức tăng giá thực tế của hàng hóa và dịch vụ theo thời gian, giúp chính phủ điều chỉnh mức giảm trừ thuế linh hoạt hơn, tránh tình trạng mức giảm trừ gia cảnh lạc hậu so với diễn biến kinh tế thực tế.

Tại Việt Nam, mức giảm trừ gia cảnh hiện nay đang áp dụng là 11 triệu đồng/tháng cho cá nhân người nộp thuế và 4,4 triệu đồng/tháng cho mỗi người phụ thuộc. Mức này được điều chỉnh lần gần nhất vào năm 2020, trong khi trước đó đã duy trì ở mức 9 triệu đồng/tháng trong giai đoạn dài từ 2013 đến 2019. Trong khi đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã liên tục tăng trung bình 3-4%/năm, đồng nghĩa với việc mức

giảm trừ gia cảnh hiện nay có thể đã không còn phù hợp với sức mua thực tế.

Vì vậy, Việt Nam có thể cân nhắc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh định kỳ theo CPI hoặc áp dụng phương pháp CPI theo chuỗi để đảm bảo mức khấu trừ thuế luôn phản ánh chính xác thực tế kinh tế. Cụ thể, có thể đưa ra hai phương án:

Phương án 1: Điều chỉnh theo CPI truyền thống

- Tăng mức giảm trừ gia cảnh từ 11 triệu lên 13 triệu đồng/tháng.
- Tăng mức giảm trừ người phụ thuộc từ 4,4 triệu lên 5,5 triệu đồng/tháng.
- Điều chỉnh mức khấu trừ thuế mỗi 3 năm một lần dựa trên CPI trung bình giai đoạn trước đó.

Phương án 2: Điều chỉnh theo CPI theo chuỗi (Chained CPI) - linh hoạt hơn

- Xây dựng cơ chế điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh hàng năm dựa trên CPI theo chuỗi, giúp phản ánh chính xác hơn sức mua của người dân.
- Tăng mức giảm trừ gia cảnh ban đầu lên 13 triệu đồng/tháng và người phụ thuộc lên 5,5 triệu đồng/tháng, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo tỷ lệ lạm phát hàng năm.
- Nếu CPI tăng từ 3-4%/năm, mức giảm trừ sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng để đảm bảo công bằng thuế.

Việc áp dụng phương pháp CPI theo chuỗi sẽ giúp Việt Nam tránh tình trạng giữ nguyên mức giảm trừ gia cảnh quá lâu trước khi có một lần tăng mạnh. Thay vào đó, cách tiếp cận linh hoạt hơn sẽ giúp mức khấu trừ thuế luôn theo kịp diễn biến kinh tế, hỗ trợ tốt hơn cho người lao động trong bối cảnh giá cả liên tục biến động.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có thể xem xét mở rộng danh mục các khoản khấu trừ thuế khác, chẳng hạn như chi phí chăm sóc sức khỏe, giáo dục, và bảo hiểm nhân thọ, tương tự như cách làm của một số nước phát triển. Điều này không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho người nộp thuế mà còn khuyến khích họ chi tiêu nhiều hơn vào các lĩnh vực thiết yếu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Tài liệu tham khảo:

- https://www.ey.com/en_gl/technical/tax-guides/worldwide-personal-tax-and-immigration-guide
- <https://tradingeconomics.com/country-list/personal-income-tax-rate?continent=g20>
- <https://www.pwc.com/id/en/pocket-tax-book/english/pocket-tax-book-2022.pdf>
- <https://www.canada.ca/en/revenue-agency/services/tax/individuals/frequently-asked-questions-individuals/canadian-income-tax-rates-individuals-current-previous-years.html>
- <https://taxsummaries.pwc.com/canada/individual/taxes-on-personal-income>
- <https://taxfoundation.org/data/all/federal/2024-tax-brackets/>
- <https://legalindonesia.id/changes-in-the-personal-income-tax-rate-pit-pph21-in-2024-effective-rate-and-calculation-example/>
- <https://www.internationaltaxreview.com/article/2acwrem25ymnm7b7su5mo/sponsored/chinas-income-tax-deductions-for-pensions-and-child-raising-costs>
- <https://taxsummaries.pwc.com/peoples-republic-of-china/individual/deductions>
- <https://taxfoundation.org/data/all/federal/2024-tax-brackets/>
- <https://www.irs.gov/newsroom/irs-provides-tax-inflation-adjustments-for-tax-year-2024>